

Số: **06/2021/QĐST-DS**

S, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V** (*Sau đây gọi tắt là Ngân hàng*).

Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Đinh Xuân Tr; Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện S, tỉnh Phú Yên (*Theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/11/2020 của ông Vũ Anh T; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện S*).

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông **Kpă Th**, sinh năm 1964 và bà **So H’ B**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V và vợ chồng bị đơn ông Kpă Th, bà So H’ B.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Số tiền phải trả: Vợ chồng bị đơn ông Kpă Th, bà So H’ B thừa nhận hiện còn nợ và chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 117.558.300đ

(trong đó tiền gốc 80.000.000đ và lãi 37.558.300đ) phát sinh từ khế ước vay số 4605LAV201603622 ngày 24/5/2016.

## 2.2 Thời gian trả nợ:

Ngày 31/3/2021 trả số tiền lãi 17.558.300đ.

Ngày 31/5/2021 trả số tiền lãi 20.000.000đ.

Ngày 31/3/2022 trả đủ số tiền gốc 80.000.000đ.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn không thực hiện thì nguyên đơn Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể là:

Quyền sử dụng thửa đất số 153, diện tích 553,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801780 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Quyền sử dụng thửa đất số 154 diện tích 373,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801781 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Quyền sử dụng thửa đất số 155, diện tích 298,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801782 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Quyền sử dụng thửa đất số 156, diện tích 260,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801783 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Quyền sử dụng thửa đất số 157, diện tích 345,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801784 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Quyền sử dụng thửa đất số 186, diện tích 266,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801785 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Quyền sử dụng thửa đất số 187, diện tích 205,0m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 22 thuộc thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 801786 ngày 12/7/2014 cho ông Kpă Th, bà So H' B.

Kể từ ngày 13/3/2021, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V theo khế ước vay số 4605LAV201603622 ngày 24/5/2016 mà các bên đã ký kết.

2.3 Án phí: Vợ chồng bị đơn ông Kpă Th, bà So H' B tự nguyện chịu 2.939.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng vợ chồng bị đơn thuộc diện hộ nghèo mã số 189/GCN-HN-HCN ngày 28/12/2020 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bị đơn ông Kpă Th, bà So H' B.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 2.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006272 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- CCTHADS huyện S (02);
- Dương sự (02);
- Lưu hồ sơ;

**THẨM PHÁN**

**Bạch Văn Trinh**